

**VAI TRÒ CỦA SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

*Đoàn Đức Lương
Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

TÓM TẮT

Tăng cường hoạt động sở hữu trí tuệ trong các trường đại học là nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2008 – 2009 và những năm tiếp theo. Để tăng cường hoạt động sở hữu trí tuệ trong các trường đại học cần tiến hành nhiều hoạt động như ban hành quy chế sở hữu trí tuệ, đưa các kiến thức về sở hữu trí tuệ thành môn học cho sinh viên, đặc biệt là nhận thức được vai trò của sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu trong các trường đại học. Bài báo đề cập thực trạng nhận thức và vai trò của sở hữu trí tuệ trong các trường đại học để làm cơ sở chuyển giao công nghệ, thương mại hoá tài sản trí tuệ mang lại hiệu quả kinh tế để khuyến khích sự sáng tạo của các nhà giáo, các nhà khoa học và sinh viên.

I. Đặt vấn đề

Một trong những điều kiện đặc biệt quan trọng để bảo vệ kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và thu hút các nhà đầu tư phát triển công nghệ là việc bảo hộ và thực thi sở hữu trí tuệ. Sở hữu trí tuệ tạo ra một hệ thống giúp cho các nhà khoa học có tài sản trí tuệ mang lại lợi ích từ chính sáng tạo của mình. Ngược lại, sự tồn tại và phát triển của sở hữu trí tuệ cũng phải dựa trên việc sáng tạo ra các tài sản trí tuệ. Đây là vấn đề cốt lõi của việc phát triển hệ thống trí tuệ và mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực cho mỗi quốc gia.

Trong các trường đại học, hoạt động nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng trường thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học có chất lượng cao và chuyển giao các thành quả nghiên cứu vào cuộc sống. Thực tế hiện nay, đa số các trường đại học, các nhà khoa học chỉ chủ yếu tập trung vào nghiên cứu khoa học, mà ít quan tâm đến việc bảo hộ tài sản trí tuệ, còn sinh viên thì chưa có những hiểu biết cơ bản về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Điều này đã tạo ra một lỗ hổng rất lớn về kiến thức và nhận thức về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học. Do vậy, việc sáng tạo ra tài sản trí tuệ và bảo hộ sở hữu trí tuệ trong các trường đại học hiện nay là hết sức cần thiết đáp ứng yêu cầu: Nhà nước – Nhà trường – Nhà khoa học – Nhà sản xuất và doanh nghiệp.

II. Thực trạng nhận thức về vai trò của sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở các trường đại học

Thứ nhất, về đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Trong các trường đại học có nhiều công trình nghiên cứu của cán bộ giảng dạy, các nhà nghiên cứu có tính sáng tạo so với trình độ kỹ thuật trên thế giới nhưng lại không đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ với nhiều lý do. Điều này làm cho các tài sản trí tuệ của các nhà khoa học không được bảo hộ theo pháp luật và nguy cơ bị “ăn cắp” bản quyền dễ xảy ra, đặc biệt những giải pháp khó giữ được bí quyết [5, tr.2]. Thực tế, trong những năm qua việc đăng ký sở hữu trí tuệ của các nhà khoa học trong các trường đại học rất hạn chế, nhất là những tài sản trí tuệ phải đăng ký mới xác lập quyền và bảo hộ theo pháp luật (như các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích,...) hoặc để giảm thiểu nghĩa vụ chứng minh quyền (tác phẩm, ghi hình, ghi âm,...). Theo số liệu thống kê của Cục Sở hữu Trí tuệ thì tính đến hết năm 2006 đã có 18.157 đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ, trong đó có khoảng 2.106 của Việt Nam (chiếm khoảng 11,5 %), của nước ngoài chiếm 88,5 %. Số lượng bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích được cấp cho người Việt Nam là 9,9 %, cho người nước ngoài là 90,1% [5, tr.2]. Từ số liệu trên cho thấy, mặc dù ở nước ta hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ ngày càng được hoàn thiện, thủ tục đăng ký được đơn giản hoá nhưng sự quan tâm đăng ký bảo hộ tài sản sở hữu Trí tuệ của các nhà khoa học nói chung và các nhà khoa học trong các trường đại học nói riêng chưa trở thành thói quen và nhu cầu.

Thứ hai, thông tin về khoa học công nghệ không cập nhật. Thông tin về khoa học công nghệ đã trở thành sở hữu của nhân loại. Nếu thiếu thông tin sẽ cản trở hoạt động sáng tạo. Trong thực tế, nhiều nhà khoa học đăng ký đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ nhưng không quan tâm đến thông tin về sở hữu trí tuệ. Các cá nhân, các tổ chức chưa có thói quen và nhu cầu sử dụng thông tin sáng chế trước khi nghiên cứu đề tài dẫn đến trong quá trình sáng tạo các kết quả nghiên cứu còn thấp hoặc trùng lặp với những giải pháp công nghệ đã được bộc lộ trong dữ liệu thông tin về sáng chế. Theo thống kê, hàng năm chỉ có khoảng 200 người quan tâm khai thác thông tin về sáng chế mặc dù đã có hệ thống thông tin sáng chế [3, tr.3]. Chúng ta đã biết, việc đăng ký (xác lập quyền) hoặc công bố rộng rãi các kết quả nghiên cứu trong các trường đại học không chỉ mang lại lợi ích cho các nhà khoa học, các trường đại học mà còn bổ sung vào kho tài sản trí tuệ của nhân loại. Trên cơ sở đó các nhà khoa học, các tổ chức có thể tra cứu khi chọn đề tài, nhiệm vụ khoa học,... tránh sự trùng lặp tốn kém tiền bạc, công sức nhưng không mang lại hiệu quả. Theo chúng tôi, ngoài hệ thống thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích của Cục Sở hữu Trí tuệ thì các thông tin về khoa học công nghệ cần được công khai thành hệ thống mang tính chất chuyên môn hoá theo từng lĩnh vực, các dự án nghiên cứu triển khai,... để tra cứu thuận lợi nhất. Hiện nay Cục Sở hữu Trí tuệ đã xây dựng các thư viện sở hữu trí tuệ tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Bình Định với các trang bị công cụ và sáng chế cần thiết, song cần thiết có sự thông báo rộng rãi

tới những người có nhu cầu và hướng dẫn tra cứu và ứng dụng thông tin sáng chế tại các địa phương này.

Thứ ba, còn có một số đề tài khoa học công nghệ trong các trường đại học chưa đáp ứng yêu cầu xã hội, các kết quả nghiên cứu tính cạnh tranh kém, do đó việc tạo lập và thúc đẩy phát triển một thị trường công nghệ là rất cần thiết. Tuy nhiên “phải phân biệt công nghệ với đặc điểm là hàm lượng chất xám được tích tụ, được chuyển giao thông qua giảng dạy trong các trường đào tạo công nghệ ở các cấp sau đại học, đại học, cao đẳng và trung cấp. Còn công nghệ vận hành và khai thác (operative technologie) thường là đối tượng của bí quyết sản xuất được xác lập trên cơ sở của bằng sáng chế và licence được thông tin, tư vấn, môi giới để áp dụng trong sản xuất kinh doanh” [7, tr. 1]. Do đó, hậu nghiên cứu (tạo ra những kết quả mới, đặc thù, ứng dụng giá thành rẻ, có thể cạnh tranh) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để có thể tìm được đối tác ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mang lại hiệu quả thiết thực mới được các nhà sản xuất, doanh nghiệp quan tâm. Theo thống kê không đầy đủ, trong thời gian 5 năm từ năm 2001 đến năm 2005 các trường trong khối kỹ thuật – nông lâm – ngư nghiệp đã thực hiện được 10.250 hợp đồng khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ đạt doanh thu trên 1.000 tỷ đồng. Đối với những kết quả nghiên cứu (không phải lĩnh vực khoa học cơ bản) nhưng không gắn với đời sống xã hội và doanh nghiệp thì các chủ thể thường không quan tâm đến sở hữu trí tuệ. Về vấn đề này có ý kiến nhận xét “Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học liên quan khối kỹ thuật công nghệ, kinh tế, nông nghiệp chưa lấy mục tiêu phục vụ doanh nghiệp là chính, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học còn bị chia đều để tính điểm, bổ nhiệm chức vụ, chức danh thì kết quả nghiên cứu còn xa rời với mục tiêu phục vụ doanh nghiệp là không tránh khỏi” [6]. Trong nghiên cứu khoa học ở các trường đại học phải có sự phối hợp liên ngành, sự cạnh tranh thực sự và đầu tư kinh phí thoả đáng thì mới có thể tạo ra những kết quả nghiên cứu có chất lượng được công nhận, được bảo hộ và có thể chuyển giao công nghệ.

Thứ tư, trong các trường đại học chưa có một cơ chế để thực hiện xác lập, thực thi, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm và thực hiện chuyển giao công nghệ. Các nhà khoa học trong các trường đại học chỉ tập trung vào nghiên cứu tạo ra tài sản trí tuệ mà hoàn toàn không biết hoặc không quan tâm đến thủ tục đăng ký xác lập quyền đối với các tài sản đó. Hiện tại, đa số các trường đại học không có bộ phận chuyên trách hoặc trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ để tư vấn hoặc thực hiện đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, làm cầu nối giữa các nhà khoa học với các doanh nghiệp,... Kinh nghiệm của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã thành lập và đưa vào hoạt động Tổ Sở hữu trí tuệ trực thuộc phòng Khoa học Công nghệ từ năm 2006, hoạt động rất có hiệu quả. Cũng từ kinh nghiệm của trường này, do không đăng ký bảo hộ nên công trình lò gạch liên tục kiêu đứng, thùng đựng rác bằng composite đã mất bản quyền chỉ sau một lần chuyển giao công nghệ. Theo số liệu thống kê trước khi tổ này ra đời có 20 sáng chế/giải pháp hữu ích được cấp bằng, từ khi thành lập đã hỗ trợ thủ tục cho 30 sáng

chế/giải pháp hữu ích được cấp bằng và 15 nhãn hiệu với chủ sở hữu là trường Đại học Bách khoa Hà Nội [8]. Thực tế, việc văn phòng (trung tâm) sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ còn rất mới mẻ trong các trường đại học đã tạo ra rào cản vô hình cho quá trình thương mại hoá các kết quả nghiên cứu của giảng viên và không khuyến khích năng lực sáng tạo và khả năng phát triển ý tưởng trong sinh viên.

III. Vai trò của sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở các trường đại học

Từ các vấn đề nêu trên, chúng tôi cho rằng vai trò của sở hữu trí tuệ là rất quan trọng trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở các trường đại học trên cơ sở chu trình: Sáng tạo tài sản trí tuệ - Bảo hộ tài sản trí tuệ - Khai thác tài sản trí tuệ - Nâng cao trình độ, mang lại hiệu quả kinh tế (động lực để tiếp tục sáng tạo ra tài sản trí tuệ).

Thứ nhất, hệ thống sở hữu trí tuệ có giá trị bảo vệ các tài sản sở hữu trí tuệ của các nhà khoa học, của các trường đại học. Thông qua việc đăng ký xác lập quyền (phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, văn bằng bảo hộ đối với giống cây trồng,...), các tài sản trí tuệ được pháp luật bảo hộ và từ đó chúng ta hoàn toàn yên tâm trong chuyển giao công nghệ và có quyền yêu cầu áp dụng các chế tài đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào có hành vi xâm phạm. Trường hợp kết quả nghiên cứu không được đăng ký bảo hộ thì các cá nhân hay tổ chức khác có thể lợi dụng thời cơ đăng ký và được công nhận theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ thì các nhà khoa học sẽ gặp nhiều phiền toái trong việc kiện tụng hoặc lại trở thành người vi phạm (nếu chuyển giao công nghệ các kết quả nghiên cứu của mình nhưng đã bị người khác đăng ký bảo hộ). Như vậy, trong môi trường đại học, môi trường của trí tuệ - chất xám, các nhà khoa học cần nhận thức đầy đủ vai trò của sở hữu trí tuệ để bảo vệ thành quả lao động sáng tạo và quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Để thực hiện có hiệu quả việc bảo hộ sở hữu trí tuệ, các trường đại học cần có Tổ sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Đối với các trường có nhiều kết quả nghiên cứu cần thành lập trung tâm hỗ trợ về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ để giúp các nhà khoa học trong việc nhận dạng kết quả nghiên cứu đó thuộc sáng chế, giải pháp hữu ích, quyền tác giả, bí mật kinh doanh,... xác lập, thực thi, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đánh giá khả năng thương mại và tìm “đầu ra” cho các tài sản trí tuệ.

Thứ hai, thông qua đăng ký xác lập sở hữu trí tuệ, công bố các kết quả nghiên cứu làm tăng uy tín của các nhà khoa học, nâng cao thương hiệu cho các trường đại học. Một mặt, các kết quả nghiên cứu được đăng ký bảo hộ (như được cấp bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích,...) sẽ được đưa vào lưu giữ trong hệ thống thông tin toàn cầu. Do đó, không chỉ các nhà nghiên cứu, các tổ chức kinh doanh trong nước mà các nhà khoa học, tổ chức nước ngoài biết đến tài sản trí tuệ đó tạo ra nhiều cơ hội trao đổi, hợp tác, đầu tư và chuyển giao công nghệ không chỉ cho các nhà khoa học mà còn cho các trường đại học. Nhờ đó, uy tín “thương hiệu” của các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu và các trường đại học ngày càng được nâng cao, có cơ sở khoa học và giành ưu thế cạnh tranh khi tham gia đấu thầu các đề tài, dự án trong nước và quốc tế.

Thứ ba, các kết quả nghiên cứu trong các trường đại học nếu được công bố rộng rãi sẽ tạo điều kiện cho cán bộ, sinh viên các trường đại học tham khảo trong giảng dạy và học tập. Trong môi trường giáo dục ở bậc đại học, các công trình khoa học này sẽ là nguồn tài liệu tham khảo quý báu cho sinh viên và giáo viên. Đồng thời, trên cơ sở đó, tạo điều kiện để người học phát triển hay ứng dụng trong thực tế mang lại hiệu quả cho xã hội (không chỉ vì mục đích kinh doanh).

Thứ tư, các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của các trường đại học phải gắn với đào tạo, gắn với nghiên cứu khoa học trong các cơ sở đào tạo khác và doanh nghiệp. Thông qua việc triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ mang lại nguồn thu đáng kể cho Nhà trường. Nhiều trường đại học có nguồn thu lớn từ hoạt động khoa học công nghệ đã có sự đầu tư đáng kể trở lại trong lĩnh vực này trở thành những trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáng tin cậy ở trong và ngoài nước. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu có giá trị dễ bị sao chép, ăn cắp làm mất đi tính mới của tài sản trí tuệ. Chính vì vậy, trước khi đưa vào triển khai ứng dụng hay chuyển giao công nghệ, các tài sản trí tuệ nên đăng ký bảo hộ quyền theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Thứ năm, trong điều kiện xây dựng nền kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay, hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học tạo ra những tài sản trí tuệ khác nhau để các doanh nghiệp có quyền lựa chọn ứng dụng tạo ra lượng hàng hoá phong phú, giá cả phù hợp, mẫu mã tốt cạnh tranh với nước ngoài. Thực tế, các doanh nghiệp và tổ chức có nhu cầu thường có xu hướng nhập công nghệ nước ngoài (nhANH và rẻ). Do đó, Nhà nước có chính sách đầu tư hợp lý để có nhiều kết quả nghiên cứu sáng tạo, có hiệu quả được chuyển giao hay đưa vào sản xuất đáp ứng được lợi ích Nhà nước, lợi ích doanh nghiệp và lợi ích cho người tiêu dùng.

IV. Kết luận và một số kiến nghị

Qua nghiên cứu về thực trạng nhận thức về vai trò cũng như vai trò của sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở các trường đại học, tôi bước đầu có một số kiến nghị như sau:

Một là tăng cường công tác tuyên truyền các quy định của pháp pháp luật, thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ để xác lập quyền và để bảo vệ quyền đối với các tài sản trí tuệ tạo ra trong các trường đại học. Để thực hiện công việc này các trường đại học sớm triển khai quyết định Số 78/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29 tháng 12 năm 2008 về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục theo hướng cụ thể hóa các nội dung của quy định này cho phù hợp với từng trường, xúc tiến thành lập tổ chức hoạt động chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ. Tổ chức hoạt động chuyên trách giúp cho các nhà nghiên cứu, nhà khoa học tiến hành phát hiện khai báo, ghi nhận và tiến hành các thủ tục xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích,...).

Hai là đối với một số trường đại học có số lượng các kết quả nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng lớn có thể tiến hành thành lập Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Chức năng của trung tâm có vai trò quan trọng gắn các kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học với đời sống sản xuất. Đây là một chủ trương lớn của Nhà nước ta gắn nghiên cứu khoa học với nhu cầu xã hội, như vậy giá trị kinh tế của các tài sản trí tuệ trong các trường đại học được khai thác có hiệu quả do được thương mại hóa. Hiện nay, trong xu thế giao tự chủ tài chính cho các trường đại học thì nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ càng có ý nghĩa quan trọng.

Ba là tận dụng các nguồn lực để phục vụ cho nghiên cứu khoa học để tạo ra những sản phẩm có giá trị cho xã hội. Về kinh phí, nguồn kinh phí từ ngân sách chủ yếu phục vụ cho nghiên cứu cơ bản, còn các đề tài, dự án sản xuất cần có sự hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp theo hướng hai bên cùng có lợi để kết hợp chặt chẽ các thế mạnh: doanh nghiệp có kinh phí, còn các trường đại học có đội ngũ cán bộ thực hiện. Về đội ngũ cán bộ, các trường đại học nên thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu hay đa ngành để đáp ứng được yêu cầu khi tham gia đấu thầu các đề tài, dự án.

Như vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các trường đại học đã góp phần không nhỏ vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa hiện nay vấn đề sở hữu trí tuệ vẫn còn nhiều mới mẻ trong cả nhận thức và thực thi. Do đó xây dựng “văn hóa sở hữu trí tuệ” ở nước ta nói chung và trong các trường đại học cần được quan tâm mang tính chất tiên phong để đáp ứng yêu cầu của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Giáo dục*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, (2006).
2. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Chuyển giao công nghệ*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (2006).
3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Sở hữu Trí tuệ*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (2006).
4. Tiến Dũng, *Để trồng tiềm năng thông tin sáng chế*, Báo khoa học và phát triển (Bộ Khoa học và Công nghệ), số ngày 26/6/2008.
5. *Đăng ký sáng chế - các nhà khoa học còn thờ ơ*, ICVN.net. Số 8 - 2007
6. *Nghiên cứu khoa học trong các trường đại học: bao giờ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp*, Báo khoa học và phát triển (Bộ Khoa học và Công nghệ), số ngày 18/11/2007.
7. Nguyễn Thanh Thịnh, *Vai trò của chính sách và quản lý khoa học, công nghệ trong phát triển bền vững*. www.nea.gov.vn/QHMT.

8. Phòng Khoa học Công nghệ, *Một vài giải pháp thúc đẩy việc thương mại hoá tài sản trí tuệ tại các trường đại học*. Website trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

THE ROLE OF INTELLECTUAL PROPERTY IN SCIENCE RESEARCH AND TECHNOLOGICAL TRANSFER IN UNIVERSITY

*Doan Duc Luong
College of Sciences, Hue University*

SUMMARY

Intensifying activities of intellectual property at universities is the centre mission in the period 2008 - 2009 as well as in the following years. In order to intensify the activities of intellectual property at universities, we need to carry out series of activities including promulgating rules for intellectual property, building intellectual property courses. Especially, recognizing and understanding the role of intellectual property to the scientific results have been of great importance in universities. This article discusses the present situation of the awareness toward and roles of intellectual property at universities in order that a foundation for technology transfer and commercializing intellectual property for business purposes may be created to encourage the creativity from teachers, scientists and students.